TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/DS-ST
Ngày: 23-02-2023
V/v xin ly hôn, nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Mỹ Lệ

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Phiến

Bà Trần Thị Kim Phượng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hồng - Thư ký viên TAND thành phố H, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 23/02/2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số 68/2022/TLST-HNGĐ ngày 28/9/2022 về việc *"Xin ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/01/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2023/QĐST-HNGĐ ngày 13/01/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Cao Thị C, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn T, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang; *(vắng mặt có lý do).*

- Bị đơn: Anh Nguyễn Trung K, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ 01 phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang; *(vắng mặt không có lý do).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn đề ngày 05/8/2022; Bản tự khai đề ngày 17/10/2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Cao Thị C trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Trung K tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 15/9/2015 tại Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và anh chị đã sống ly thân từ tháng 2/2021 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung. Anh K là người không có trách nhiệm với gia đình, không tu trí làm ăn phó thác toàn bộ trách nhiệm chăm lo gia đình, chăm sóc con cho chị. Đến nay

xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được do vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh K.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Quang K1, sinh ngày 15/01/2016. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Quang K1 cho đến khi cháu trưởng thành. Chị không đề nghị anh K phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Do bị đơn cố tình vắng mặt không có lý do nên không có bản tự khai; Toà án không ghi được lời khai, không tổ chức phiên hoà giải vụ án được.

Tại phiên tòa vắng mặt chị C, trong đơn xin xét xử vắng mặt, chị C có ý kiến: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Toà án xem xét, giải quyết cho chị được ly hôn với anh K. Về con chung: Chị C có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Quang K1 và đảm bảo được điều kiện tốt nhất cho cháu. Chị không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên toà bị đơn vắng mặt không có lý do, vì vậy không có lời trình bày và ý kiến, đề nghị gì.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang phát biểu ý kiến:

** Ý kiến của đại diện VKSND thành phố H:*

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Xác minh thu thập chứ cứ đầy đủ, thời hạn chuẩn bị xét xử, ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn, cấp tống đạt văn bản tố tụng đúng quy định.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa HĐXX, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng pháp luật, thủ tục bắt đầu phiên tòa được Thẩm phán thực hiện đúng quy định tại Điều 239 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không tuân thủ quy định của pháp luật, không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng, gây khó khăn cho Tòa án, người tiến hành tố tụng và nguyên đơn, vi phạm các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS; Các Điều 51, 56, 57, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 quy định về án phí, lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử xem xét: Xử cho chị Cao Thị C được ly hôn với anh Nguyễn Trung K; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Quang K1,

sinh ngày 15/01/2016 cho chị Cao Thị C trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật; Về tài sản và công nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét; Về án phí: Chị Cao Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn khởi kiện của chị Cao Thị C về việc xin ly hôn anh Nguyễn Trung K, bị đơn có địa chỉ cư trú tại: Tổ 01 phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang, do đó Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập anh K để Toà án viết bản tự khai, tống đạt các Thông báo của Toà án về việc tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ và hoà giải theo đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên anh K nhận văn bản tố tụng của Toà án nhưng đều vắng mặt không có lý do. Do đó bị đơn đã vi phạm các nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Cả hai lần Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, anh K đều vắng mặt nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng cả hai phiên tòa, anh K đều vắng mặt không lý do. Đối với sự vắng mặt của nguyên đơn, chị Cao Thị C đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là có căn cứ.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Cao Thị C và anh Nguyễn Trung K xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị có thời gian chung sống với nhau hạnh phúc, từ năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Anh chị sống chung dưới một mái nhà nhưng không quan tâm chia sẻ đến nhau, anh K không tu trí làm ăn, thường xuyên xảy ra xô xát vợ chồng . Đến năm 2021 vợ chồng anh chị sống ly thân với nhau, chị đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở và làm việc. Kể từ đó anh K và chị C không còn chung sống, anh K cũng không có biện pháp nào để tháo gỡ mâu thuẫn giữa vợ chồng. Theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình thì: *“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”; "2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận*

khác…". Xét thấy, anh K đã không thực hiện đúng nghĩa vụ của người chồng, không đóng góp kinh tế nuôi dạy con cái, không quan tâm, chia sẻ với vợ làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị C yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh K. HĐXX xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị C, xử cho chị C được ly hôn với anh K theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình là phù hợp.

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng chị C, anh K có 01 con chung là cháu Nguyễn Quang K1, sinh ngày 15/01/2016. Xét thấy, hiện nay chị C là người đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Quang K1, theo xác nhận của Trưởng thôn T, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang và Tổ trưởng tổ 01 phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang thì cháu K1 hiện đang sinh sống cùng với chị C và 2 mẹ con ở chung cùng với ông bà ngoại là bố mẹ đẻ của chị C *(BL 36; 43)*. Tại Biên bản xác minh ngày 09/12/2022 chị C là nhiên viên Công ty CPĐT SX, TM Gia Khánh (Cơ sở 2) công việc chính là bán hàng, làm việc theo giờ hành chính, có thu nhập và chế độ ổn định, thu nhập bình quân hàng tháng là khoảng từ 7 đến 8 triệu đồng, ngoài ra còn có tiền thưởng *(BL 37)*.Căn cứ Biên bản về việc tham khảo ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, về trẻ em *(BL 45, 46)* và xem xét các điều kiện thực tế để chăm sóc, giáo dục con chung. Tại phiên toà anh K cũng không có mặt, do đó HĐXX xét thấy cần giao cháu Nguyễn Quang K1 cho chị Cao Thị C nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, đảm bảo được quyền lợi tốt nhất cho cháu. Anh K được quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị C không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét giải quyết. Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

[6] Về tài sản và công nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về tài sản riêng: Không có tranh chấp gì về tài sản riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[8] Về án phí: Chị Cao Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[9] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, khoản 1, 3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Cao Thị C

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Cao Thị C được ly hôn anh Nguyễn Trung K.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Quang K1, sinh ngày 15/01/2016 cho chị Cao Thị C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu K1 đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Trung K không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn anh K không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở. Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

3. Về án phí: Chị Cao Thị C phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Hà Giang là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0000761, ngày 28/9/2022 *(Nguyễn Thanh H nộp thay)*.

4. Quyền kháng cáo: Chị Cao Thị C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh Nguyễn Trung K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND TP H;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP H;
- UBND TT V, B, Hà Giang;
- Lưu HS - BP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Vũ Mỹ Lệ